gōng píng jiāo yì

公平交易

noun phrase · fair trade

Example Sentences

tā men jiān chí gōng píng jiāo yì de yuán zé
他 们 坚 持 公 平 交 易 的 原 则。

They adhere to the principle of fair trade.

zhè jiā shāng diàn chéng nuò suǒ yǒu shāng pǐn dōu shì gōng píng jiāo yì
这 家 商 店 承 诺 所 有 商 品 都 是 公 平 交 易。

This store promises that all goods are fair trade.

Trace each character, then write the word on your own.